TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18.5.2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Điền
Hội thẩm nhân dân:
1. bà Trần Thúy Kiên
2. ông Tăng Tài Thủ
- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát*** nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa: bà Phạm Ngọc Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 03.4.2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: chị ***Nguyễn Thị Bích N***, sinh năm 1989, cư ngụ khu vực A, phường T, quận T, tp. Cần Thơ.

2. <u>Bị đơn</u>: anh ***Nguyễn Chí T***, sinh năm 1985, cư ngụ khu vực A, phường T, quận T, tp. Cần Thơ.

3. <u>Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung</u>:
cháu Nguyễn Thành P sinh năm 2009
(Đang sống với anh T tại khu vực A, phường T, quận T, tp. Cần Thơ; Và do anh T là người giám hộ).

(tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 07.02.2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày*: Do gia đình làm mai mối nên vào năm 2007 chị với anh Nguyễn Chí T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân (UBND) phường T ngày 10.01.2008. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình chồng cho đến tháng 7.2022 thì ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành P, sinh năm 2009 đang sống chung với anh T; Về tài sản chung và nợ chung: không có. Do tình

cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Chí T; Yêu cầu anh T nuôi con chung, chị đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17.4.2023, bị đơn anh Nguyễn Chí T trình bày*: Anh thừa nhận vợ chồng được gia đình mai mối và tổ chức lễ cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình bên chồng đến khi ly thân. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung đang sống với anh; Về tài sản chung và nợ chung: không có. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý mà yêu cầu đoàn tụ; Về con chung anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con đến trưởng thành, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, Nguyên/bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N đối với bị đơn anh Nguyễn Chí T; *Về con chung*: ổn định cho anh T được quyền nuôi con chung đến trưởng thành, ghi nhận ý kiến của chị N về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này phát sinh tranh chấp tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: chị Nguyễn Thị Bích N với anh Nguyễn Chí T được gia đình hai bên tác hợp và tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị N có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N với bị đơn anh Nguyễn Chí T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử có căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn và bị đơn được gia đình tác hợp có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay

cải vả, thậm chí anh T nhiều lần đánh chị nên từ tháng 7.2022 chị đi làm thuê tại X rồi sống ly thân với anh T từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, chị N kiên quyết ly hôn; anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng luôn vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị N với anh T đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Chị N, anh T khai vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành P, sinh năm 2009 - đang sống chung với anh T. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác. Theo đó, chị N anh T thống nhất ổn định cho anh T được quyền tiếp tục nuôi con chung nên được Hội đồng xét xử ghi nhận ghi nhận sự thỏa thuận theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Hơn nữa điều này không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: anh T không yêu cầu nhưng chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hằng tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 1 điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 56, điều 81, điều 84 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N đối với bị đơn anh Nguyễn Chí T.

1. *Về hôn nhân*: chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

2. *Về con chung*: anh Nguyễn Chí T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thành P, sinh năm 2009 đến trưởng thành. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Bích N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị N thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo phiếu thu số: 0003813 ngày 28.3.2023 thành án phí. Chị N đã nộp xong.

Về án phí cấp dưỡng: chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt phiên tòa được quyền kháng cáo; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tp. Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND quận T.
- THA quận T.
- UBND phường T. (nơi đkkh).
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền